

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2022/DS-ST

Ngày: 12-01-2022

V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
về vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy An**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Nguyễn Trọng Khôi**.

2/ Bà **Lê Thị Trúc Linh**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Thạch Thị Tuyền** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Cẩm Tú** – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 190/2021/TLST- DS ngày 28 tháng 6 năm 2021, về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2021/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1984. (có mặt)

2. *Bị đơn:* 1/ Bà **Ngô Thị N**, sinh năm 1962. (vắng mặt)

2/ Ông **Nguyễn Hoàng T (Nguyễn Văn T)**, sinh năm 1962.
(vắng mặt)

3/ Anh **Nguyễn Hoàng K**, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: ấp V, xã X, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 28/6/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày: Vào ngày 05/7/2019 chị có cho vợ chồng bà Ngô Thị N và ông Nguyễn Văn T vay số tiền

30.000.000đ, lãi 2.000đ/1.000.000đ/ngày, thời gian vay 30 ngày phải hoàn tiền vốn và lãi vay, khi vay các bên có viết giấy tay ghi rõ số tiền vay và tiền lãi 01 tháng là 1.800.000đ, bà Ngô Thị N có ký tên vào biên nhận. Sau khi vay bà N, ông T đã trả được 01 tháng tiền lãi từ ngày 05/7/2019 đến ngày 05/8/2019 bằng 1.800.000đ rồi ngưng không trả vốn và lãi. Từ tháng 09 năm 2019 đến nay nguyên đơn có đến tận nhà bị đơn yêu cầu trả nợ nhưng bị đơn hẹn không trả. Khi đến nhà yêu cầu trả nợ thì có gặp anh Nguyễn Hoàng K là con trai của bà N, ông T ở chung nhà, anh K có thương lượng với chị là số tiền bà N, ông T vay thì anh K sẽ chịu trách nhiệm trả vốn, lãi hàng tháng cho đến khi dứt nợ nhưng sau đó anh K tiếp tục hẹn và không trả nợ. Nay chị khởi kiện yêu cầu bà N, ông T và anh K có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay còn nợ vốn 30.000.000đ, lãi từ ngày 06/8/2019 đến ngày khởi kiện tạm tính bằng 22 tháng 10 ngày bằng 20%/năm tức 1,66%/tháng số tiền 11.005.800đ. Tổng cộng vốn, lãi 41.005.800đ và số tiền lãi phát sinh đến khi trả dứt nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn bà Ngô Thị N, ông Nguyễn Văn T và anh Nguyễn Hoàng K tham gia tố tụng để giải quyết vụ án nhưng bị đơn vắng mặt không lý do và không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện là yêu cầu bà N, ông T và anh K có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay còn nợ vốn 30.000.000đ, lãi tính từ ngày 06/8/2019 đến ngày xét xử 12/01/2022 là 29 tháng 06 ngày nhưng chị yêu cầu $29 \text{ tháng} \times 1,66\%/\text{tháng} = 14.442.000\text{đ}$. Tổng cộng vốn, lãi 44.442.000đ. Đồng thời chị đồng ý điều chỉnh lãi đối với phần 01 tháng lãi 1.800.000đ bà N đã trả cho chị theo lãi suất quy định.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và trình tự, thủ tục xét xử của Hội đồng xét xử cũng như những người tham gia tố tụng chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng không có ý kiến về nội dung mà nguyên đơn khởi kiện, không tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án, không thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà N và ông T có nghĩa vụ trả nguyên đơn số tiền vay còn nợ vốn 30.000.000đ, lãi 13.140.000đ. Tổng cộng vốn, lãi là 43.140.000đ. Về án phí đề nghị buộc bị đơn bà N và ông T nộp 2.157.000đ. Trả lại chị D số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.025.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các bị đơn bà Ngô Thị N, ông Nguyễn Hoàng T và anh Nguyễn Hoàng K có địa chỉ cư trú ấp V, xã X, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long trả lại số tiền còn nợ vốn, lãi 41.005.800đ theo biên nhận vay tiền do bà Ngô Thị N ký tên. Do đó quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản”, nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long. Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[1.2] Bị đơn được triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do mà không có người đại diện tham gia phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Vào ngày 05/7/2019 chị D có cho vợ chồng bà Ngô Thị N và ông Nguyễn Hoàng T vay số tiền 30.000.000đ, có viết giấy tay, bà Ngô Thị N có ký tên vào biên nhận (giấy viết tay). Mặc khác Tòa án đã triệu tập bị đơn bà Ngô Thị N, ông Nguyễn Hoàng T và anh Nguyễn Hoàng K để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do, không trình bày văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do vậy thực tế việc vay mượn tiền có xảy ra, sự việc không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền vay vốn 30.000.000đ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ theo quy định tại 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu trả lãi từ ngày 06/8/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 12/01/2021 là 29 tháng x 1,66%/tháng số tiền 14.442.000đ. Tổng cộng vốn, lãi 44.442.000đ là có căn cứ chấp nhận một phần theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, theo quy định về lãi suất các bên có thỏa thuận nên không vượt quá 20%/năm bằng 1,66%/tháng của khoản tiền vay tương ứng 30.000.000đ x 1,66%/tháng bằng 498.000đ/tháng. Bị đơn trả 01 tháng tiền lãi từ ngày 05/7/2019 đến ngày 05/8/2019 bằng 1.800.000đ là cao do vậy cần điều chỉnh lại theo quy định của pháp luật. Lãi suất cụ thể nguyên đơn yêu cầu từ ngày bị đơn chậm trả lãi và vốn từ ngày 06/8/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 12/01/2022 là 29 tháng được tính như sau: 30.000.000đ x 29 tháng x 1,66%/tháng = 14.442.000đ, trừ lãi điều chỉnh lại từ ngày 05/7/2019 đến ngày 05/8/2019 là

$1.800.000đ - 498.000đ = 1.302.000đ$. Số tiền lãi còn lại bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 13.140.000đ.

[2.3] Xét nguyên đơn yêu cầu bị đơn bà Ngô Thị N, ông Nguyễn Hoàng T và anh Nguyễn Hoàng K liên đới trả số tiền vốn, lãi. Theo giấy tay nhận nợ ngày 05/7/2019 bà Ngô Thị N có ký tên, theo trích lục kết hôn số 919/TLKH-BS ngày 15/10/2021 của Ủy ban nhân dân xã X, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long xác nhận bà Ngô Thị N và ông Nguyễn Hoàng T kết hôn từ ngày 31/12/2002, do vậy bà Ngô Thị N vay nợ trong thời kỳ hôn nhân với ông Nguyễn Hoàng T. Bà N và ông T là người sống chung hộ gia đình và là vợ chồng có đăng ký kết hôn. Do đó trách nhiệm trả nợ là của chung vợ chồng là phù hợp quy định tại Điều 27, khoản 1 Điều 30 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.4] Xét yêu cầu nguyên đơn cho rằng khi đến nhà yêu cầu bị đơn bà N, ông T trả nợ thì gặp anh Nguyễn Hoàng K và có hứa trả số nợ trên nên nguyên đơn yêu cầu anh Nguyễn Hoàng K cùng liên đới trả nợ là chưa có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ việc vay tiền là của bà N, không có chứng cứ gì chứng minh anh K bảo lãnh trả nợ thay cho bà N, ông T nên không có căn cứ buộc anh K liên đới cùng bà N, ông T trả nợ cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 335 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cụ thể buộc bà Ngô Thị N và ông Nguyễn Hoàng T phải nộp $43.140.000đ \times 5\% = 2.157.000đ$.

Nguyên đơn không phải chịu án phí do yêu cầu được chấp nhận, nên hoàn trả cho chị Nguyễn Thị D số tiền tạm ứng án phí 1.025.000đ theo biên lai thu số 0017043 ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ so với nhận định trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27, khoản 1 Điều 30 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 6, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị D.

Buộc bị đơn bà Ngô Thị N và ông Nguyễn Hoàng T (Nguyễn Văn T) có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn chị Nguyễn Thị D số tiền còn nợ vốn 30.000.000đ, lãi 13.140.000đ. Tổng cộng vốn, lãi là 43.140.000đ (*Bốn mươi ba triệu một trăm bốn mươi ngàn đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Ngô Thị N và ông Nguyễn Hoàng T (Nguyễn Văn T) có nghĩa vụ nộp 2.157.000đ (*Hai triệu một trăm năm mươi bảy ngàn đồng*).

Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị D số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.025.000đ (*Một triệu không trăm hai mươi lăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0017043 ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Trà Ôn;
- Chi cục THADS huyện Trà Ôn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

